

# THỰC TRẠNG VỆ SINH TRƯỜNG HỌC TẠI 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

Dương Văn Tú<sup>1</sup>, Nguyễn Trường Yên<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Vệ sinh trường học không đảm bảo sẽ trực tiếp và gián tiếp gây những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và khả năng học tập của học sinh, **Với mục Tiêu:** Mô tả thực trạng vệ sinh trường học tại 2 trường tiểu học, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà nam. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang vệ sinh trường học 2 trường tiểu học. **Kết quả:** Diện tích khu trường, sân chơi, bãi tập, cây xanh, phòng học đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh trường học. Cường độ chiếu sáng tự nhiên lớp học bình quân là 301lux. Đạt chỉ số chiếu sáng tự nhiên lớp học theo quy định. 2 trường học có nước uống cho học sinh, nước rửa tay đạt yêu cầu nhưng chưa có xà phòng rửa tay. Nhà tiêu, nhà tiểu, xử lý rác thải, nước thải đều đạt quy định vệ sinh trường học.

Cường độ chiếu sáng nhân tạo lớp học bình quân chung cho các khối của 2 trường là 310 lux, đạt tiêu chuẩn quy định. Cường độ chiếu sáng nhân tạo lớp học ở khối lớp 1 là 224lux, khối lớp 2 là 137lux, khối lớp 3 là 215lux, khối lớp 4 là 557lux và khối lớp 5 là 418lux.

**Từ khóa:** Vệ sinh, trường học, tiểu học.

## ABSTRACT

**Objective:** Describe the sanitation situation at school of 2 elementary schools, Kim Bang district, Ha Nam province. **Method:** Studies describing the cross-sectional survey of two elementary schools. **Results:** The area of the school, playground, yard, trees, classrooms are standard school sanitation. Natural light intensity is 301lux per class. Achieve natural lighting indicators prescribed classes. 2 schools have drinking water for students, lotions and unsatisfactory. Latrines, toilets, garbage disposal, waste water will reach school hygiene regulations.

**Conclusions:** Artificial lighting intensity of the average class for blocks of 2 school classes is 310lux, standard regulations. Artificial lighting intensity in grade 1 class is

224lux, 137lux grade 2, grade 3 is 215lux, 557lux grade 4 and grade 5 is as 418lux.

**Keywords:** Sanitation situation, school, elementary school.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vệ sinh trường học là một trong những công tác quan trọng nhằm chăm sóc sức khỏe cho học sinh, góp phần đào tạo một thế hệ trẻ vừa có đầy đủ sức khỏe, kiến thức và có đạo đức tốt cho xã hội [3]. Vệ sinh trường học không đảm bảo sẽ trực tiếp và gián tiếp gây những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và khả năng học tập của học sinh, là nguyên nhân gây nên những bệnh tật học đường như cận thị, cong vẹo cột sống. Tỷ lệ học sinh bị cong vẹo cột sống còn ở mức cao, vẫn chưa được khống chế. Một số kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ mắc cong vẹo cột sống ở học sinh khá cao, từ khoảng 17,3% cho đến 38,1% tùy từng địa phương [1,5]. Theo Thống kê của Bộ Y tế, năm 2011, có 66.224 trường hợp mắc sốt xuất huyết, trong đó 50% là trẻ em [4,6]. Để có cơ sở khoa học để đưa ra những giải pháp phù hợp cải thiện, nâng cao chất lượng tốt hơn nữa về công tác vệ sinh trường học tại các trường tiểu học, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Mô tả thực trạng vệ sinh trường học tại 2 trường tiểu học, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa điểm nghiên cứu:

- 2 trường tiểu học huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu:

- Điều kiện vệ sinh trường, lớp, trang thiết bị học tập.
- Điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh tại trường.

#### 2.2.1 Thời gian tiến hành nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9 năm 2015 đến 12 năm 2015.

#### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

## 1. Trung Tâm Y tế dự phòng Hà Nam

### 2.2.3. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu.

#### 2.2.3.1. Cơ mẫu để điều tra thực trạng vệ sinh trường học.

Từ danh sách của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam có 18 trường tiểu học trong đó có 7 trường trong diện miền núi, trường còn lại thuộc đồng bằng. Chọn chủ đích 2 trường tiểu học Liên Sơn xã Liên Sơn và trường tiểu học Ngọc Sơn xã Ngọc Sơn.

#### 2.2.3.2. Cơ mẫu phòng học.

Tổng số phòng học cần đo đạc, mỗi khối 1 lớp chọn 1 phòng tương ứng 5 phòng học/5 khối, (5 khối  $\times$  2 trường) = 10 phòng có cả tầng trên và tầng dưới.

#### 2.2.4. Phương pháp thu thập số liệu.

Chúng tôi tiến hành đo, quan sát thực tế trong, ngoài trường học, phòng học tại 2 trường. Thông tin thu thập dựa trên bảng kiểm đã được chuẩn bị sẵn. Chỉ tiêu là đánh giá các chỉ số về vệ sinh trường học, vệ sinh lớp học, các công trình vệ sinh trong trường học và điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh của 2 trường, theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### 2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu:

Số liệu sau khi thu thập được nhập bằng phần mềm Epi-Data 3.1 và xử lý, phân tích số liệu trên phần mềm SPSS 16.0

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thực trạng về điều kiện vệ sinh môi trường học tập.

**Bảng 3.1. Phân bố diện tích mặt bằng/học sinh theo trường.**

Trường	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )/1 học sinh
Liên Sơn	6,000	23,3
Ngọc Sơn	4,555	12,5
Chung	10,555	17,0

**Bảng 3.5. Số học sinh bình quân theo lớp và diện tích phòng học/1 học sinh.**

Khối lớp	Số học sinh bình quân/lớp			Diện tích phòng học/m <sup>2</sup> / học sinh)		
	Liên Sơn	Ngọc Sơn	Chung	Liên Sơn	Ngọc Sơn	Chung
Khối lớp 1	31	29	30	1,6	1,7	1,6
Khối lớp 2	22	23	22	2,2	2,1	2,1
Khối lớp 3	24	28	26	2,0	1,7	1,8
Khối lớp 4	24	28	26	2,0	1,7	1,8
Khối lớp 5	26	33	29	1,9	1,5	1,7
Chung	25	28	26	2,0	1,7	1,8

Nhận xét: Số học sinh trong mỗi lớp học đạt tiêu chí

Nhận xét: Diện tích cả 2 trường đều đảm bảo diện tích theo quy định. TC 1221: (10 m<sup>2</sup>/1 học sinh).

**Bảng 3.2. Phân bố diện tích cây xanh.**

Trường	Diện tích cây xanh (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ % TC 1221: (20-40%)
Liên Sơn	2,100	35,0
Ngọc Sơn	1,366	30,0
Chung	3,466	32,8

Nhận xét: Diện tích cây xanh chung 2 trường đạt 32,8% diện tích khuôn viên.

**Bảng 3.3. Đảm bảo nước uống đủ số lượng, chất lượng.**

Nước uống cho học sinh	Liên Sơn	Ngọc Sơn
	SL	SL
Nước đóng bình	1	1
Nước đun sôi để nguội	0	0
Nước qua bình lọc	0	0

Nhận xét: 2 trường đều bố trí nước uống cho học sinh bằng nước đóng bình.

**Bảng 3.4. Tiêu chí khu vệ sinh học sinh.**

Tiêu chí	Liên Sơn		Ngọc Sơn		Chung	
	SL		SL		SL	
Chậu rửa tay	0		0		0	
Vòi rửa tay	1		1		2	
Xà phòng rửa tay	0		0		0	

Nhận xét: Khu vệ sinh cho học sinh chưa đạt tiêu chí quy định không có chậu rửa tay và xà phòng

#### 3.1.3. Thực trạng điều kiện phòng học.

##### 3.1.3.1. Diện tích phòng học.

3.1.3.2. Chiều sáng lớp học.

**Bảng 3.7. Số phòng đạt chỉ tiêu phòng học thuận chiều ánh sáng**

Trường Khối học	Liên Sơn (n=5)		Ngọc Sơn (n=5)		Chung (n=10)	
	SL	Đạt	SL	Đạt	SL	Đạt
Khối lớp 1	1	1	1	0	2	1
Khối lớp 2	1	1	1	0	2	1
Khối lớp 3	1	1	1	1	2	2
Khối lớp 4	1	1	1	1	2	2
Khối lớp 5	1	1	1	1	2	2
Chung	5	5	5	3	10	8

Nhận xét: Có 8/10 phòng học kiểm tra thuận chiều ánh sáng, 2/10 phòng không thuận chiều ánh sáng.

**Bảng 3.8. Cường độ chiếu sáng tự nhiên theo trường**

Trường	Cường độ chiếu sáng tự nhiên lớp học (Lux)				
	X	Max	min	Số mẫu	Đạt
Liên Sơn	207	305,6	108,3	5	5
Ngọc Sơn	396,3	687,1	105,6	5	5
Chung	301,6	496,3	107	10	10

Nhận xét: Cường độ chiếu sáng tự nhiên trong lớp học tính bình quân đều đạt tiêu chuẩn cả ở 2 trường.

**Bảng 3.9. Cường độ chiếu sáng tự nhiên ngoài trời và hệ số (K.E.O) theo trường.**

Tiêu chí Trường	Chiếu sáng ngoài trời (lux)	Tối đa (lux)	Tối thiểu (lux)	Đạt hệ số K.E.O $\geq 3\%$ (n=10)	Tỷ lệ
Liên Sơn	546,4	687,3	405,6	5	50%
Ngọc Sơn	348,6	489,0	208,3	5	50%
Chung	447,5	588,1	307	10	100%

Nhận xét: Cường độ chiếu sáng tự nhiên ngoài trời bình quân đạt tiêu chí.

**Bảng 3.10. Số phòng đạt chỉ tiêu chiếu sáng tự nhiên lớp học theo trường.**

Tiêu chí	Trường	Liên Sơn (n=5)	Ngọc Sơn (n=5)	chung (n=10)	
				Đạt	TL
Thuận chiều ánh sáng		5	3	8	80%
Có diện tích cửa sổ $\geq 20\%$		2	5	7	70%
Có cường độ chiếu sáng tự nhiên $\geq 100\text{lux}$		5	5	10	100%
Đạt hệ số K.E.O $\geq 3\%$		5	5	10	100%
Đạt cả 4 chỉ tiêu		2	3	5	50%

Nhận xét: Cả 2 trường đều lắp bóng đèn không hợp lý theo quy định. 100% phòng học đều treo bóng chiếu sáng cao hơn quạt trần.

**Bảng 3.11. Cường độ chiếu sáng nhân tạo tại các phòng học.**

Khối học	Cường độ chiếu sáng nhân tạo lớp học (Lux) (n=10)				
	Bình quân	Tối đa	Tối thiểu	Số phòng	Đạt 6 điểm $\geq 300\text{lux}$
Khối lớp 1	224,0	305,6	142,5	2	0
Khối lớp 2	137,3	150,1	124,6	2	0
Khối lớp 3	215,2	256,5	174,0	2	0
Khối lớp 4	557,0	952,3	161,6	2	0
Khối lớp 5	418,4	713,3	123,5	2	0
Chung	310,3	475,5	145,2	10	0

Nhận xét: Bình quân cường độ chiếu sáng nhân tạo lớp học ở các khối lớp học của 2 trường đạt tiêu chuẩn quy định

**Bảng 3.19. Số phòng đạt chỉ tiêu về chiếu sáng nhân tạo phòng học.**

Nội dung	Trường	Liên Sơn	Ngọc Sơn
		SL	SL
Đủ số bóng đèn và công suất		0	0
Có vị trí bóng đèn hợp lý		0	0
Có cường độ chiếu sáng tự nhiên $\geq 300\text{lux}$ đồng đều ở các điểm		0	0

Nhận xét: Các phòng thiếu số bóng đèn và thiếu công suất để tăng cường chiếu sáng, vị trí bóng đèn không hợp lý, không đạt cường độ chiếu sáng nhân tạo.

3.1.3.3. Thực trạng điều kiện thông gió, vi khí hậu, tiếng ồn lớp học.

**Bảng 3.12. Đảm bảo thông gió nhân tạo lớp học.**

Tiêu chí \ Trường	Liên Sơn	Ngọc Sơn
Thông gió quạt trần	5	5
Quạt treo tường bàn	5	5

Nhận xét: 100 phòng học đạt thông gió nhân tạo bằng quạt trần và quạt treo tường, số quạt từ 2 - 3 quạt/phòng học.

### 3.1.4. Thực trạng điều kiện bàn ghế học sinh, bảng.

#### 3.1.4.1. Kích thước bàn ghế.

**Bảng 3.13. Kích thước bàn ghế đối chiếu so với lớp học.**

Chỉ số bàn ghế \ Trường	Chiều cao Bàn (cm)		Chiều dài bàn (cm)		Chiều cao ghế (cm)		Hiệu số bàn,ghế(cm)		Tiêu chuẩn
	Liên sơn	Ngọc Sơn	Liên sơn	Ngọc Sơn	Liên sơn	Ngọc Sơn	Liên sơn	Ngọc Sơn	
K. lớp 1	62	59	120	120	36	30	26	29	19
K. lớp 2	57	67	120	120	28	36	29	31	19 - 20
K. lớp 3	65	66	190	120	37	36	28	30	20 - 21
K. lớp 4	62	64	190	120	37	36	25	28	21 - 22
K. lớp 5	65	64	190	120	37	36	28	28	23

Nhận xét: Kích thước bàn ghế ở tất cả các khối lớp, không bằng kích thước chuẩn.

### 3.1.5. Thực trạng các công trình nhà vệ sinh trong trường.

#### 3.1.5.1. Về nhà Tiêu.

**Bảng 3.14. Loại nhà tiêu sử dụng cho học sinh.**

Trường	Loại nhà tiêu	Tiêu chí vệ sinh
Liên Sơn	Tự hoại	Đạt
Ngọc Sơn	Thấm dột nước	Đạt

Nhận xét: Các trường đều có sử dụng các loại nhà tiêu hợp vệ sinh.

## IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu tại 2 trường tiểu học thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cho thấy; vị trí xây dựng trường trường Liên Sơn học sinh đi xa nhất 3,5km, trường Ngọc Sơn xây dựng sát đường giao thông liên xã nên bất an toàn. Diện tích trường Liên Sơn là: 6000m<sup>2</sup> đạt 23,3m<sup>2</sup>/1 học sinh, diện tích trường Liên Sơn là: 4555m<sup>2</sup> đạt 12,5m<sup>2</sup>/1 học sinh. Với các dãy phòng học 2 tầng và hướng lấy ánh sáng đều đảm bảo quy định, điều đặc biệt là trường tiểu học Liên Sơn có 1 khu nhà đa năng rất thuận tiện cho học sinh rèn luyện thể dục thể thao vui chơi giải trí.

Tình hình nước uống cho học sinh đã được cải thiện đáng kể trong nhiều năm gần đây. Theo kết quả tình hình nước sinh hoạt cho học sinh khá tốt. 2/2 trường học có nước sinh hoạt và toàn bộ dùng nguồn nước mưa và nước giếng khoan

qua lọc. Số vòi nước cho học sinh là đạt yêu cầu.

Bình quân số học sinh/lớp chung cho cả 5 khối của 2 trường là: 26 em/lớp, phù hợp theo quy định 1,6m<sup>2</sup>/học sinh, đạt tiêu chuẩn quy định (1,1-1,25m<sup>2</sup>/học sinh).

Kết quả đo cường độ chiếu sáng tại 2 trường bằng lux chưa đạt được sự chiếu sáng đồng đều trong các phòng học, chỉ có 5/10 phòng đạt các chỉ tiêu chiếu sáng tự nhiên lớp học, không có phòng học nào đạt tất cả các yêu cầu về chỉ số chiếu sáng nhân tạo (bao gồm đảm bảo cường độ chiếu sáng tự nhiên  $\geq 300\text{lux}$  đồng đều ở các điểm và số bóng đèn đủ theo quy định). Hiện tại vẫn còn một số phòng của trường tiểu học Liên Sơn chỉ bố trí trong lớp 4 bóng đèn tròn công suất thấp so với quy định

Các phòng học được khảo sát đều được trang bị thông gió nhân tạo bằng quạt trần. Số quạt từ 2 - 4 quạt/ phòng học. Trung bình nhiệt độ trong các phòng học là: 200C, độ ẩm trung bình chung là: 60% và vận tốc chuyển động không khí là: 0,1 m/s, các chỉ số đều đạt yêu cầu quy định.

Các khối lớp học, hiệu số bàn ghế đều cao hơn tiêu chuẩn quy định từ 5 đến 11cm, và hầu hết trong một phòng học chỉ bố trí một loại và một cỡ bàn ghế. Đặc biệt ở khối 3, khối 4 và khối 5 của trường miền núi Liên Sơn vẫn còn bố trí loại bàn ghế 4 chỗ ngồi có chiều dài 190cm chiều sâu ghế 17cm và có hiệu số bàn ghế đều cao hơn quy định. 2 trường học đã trang bị đủ số lượng nhà tiêu cho học sinh, với loại nhà tiêu tự hoại và thấm dột nước.

## V. KẾT LUẬN

- Diện tích khu trường, sân chơi, bãi tập, cây xanh, phòng

học đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh trường học.

- Cường độ chiếu sáng tự nhiên lớp học bình quân là 301lux. Đạt chỉ số chiếu sáng tự nhiên lớp học theo quy định.
- 100 phòng học đạt thông gió nhân tạo bằng quạt trần và quạt treo tường, số quạt từ 2 - 3 quạt/phòng học.

- Kích thước bàn ghế ở tất cả các khối lớp, không đạt kích thước chuẩn.

- 2 trường học có nước uống cho học sinh, nước rửa và đạt yêu cầu. Về hố tiêu, hố tiểu, xử lý rác, nước thải đều đạt quy định vệ sinh trường học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. **Bộ Y tế** (2012), *Trường học nâng cao sức khỏe*.
2. **Cục Y tế dự phòng** (2012), *Bộ Y tế, Báo cáo số 112/BC-DP về Thực trạng công tác y tế trường học và định hướng đến năm 2015*.
3. **Lê Thị Mai Chi** (2015), *Thực trạng điều kiện về sinh trường học, chăm sóc y tế tại một số trường tiểu học và trung học cơ sở thành phố Hải Dương năm 2015*, Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
4. **Vũ Quang Dũng** và cs (2008) *Nghiên cứu thực trạng vệ sinh ở hai trường trung học cơ sở tại tỉnh Thái Nguyên*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ 89(01)/1: 221-230.
5. **Ngô Thị Nhu** và CS (2010). *Thực trạng điều kiện học tập của học sinh ở một số trường trung học cơ sở tỉnh Thái Bình năm 2010*, Tạp chí Y học Thực hành (792) - số 11/2011, tr.78-80
6. **Nguyễn Cảnh Phú** (2010), *Thực trạng công tác y tế trường học tại thành phố Vinh tỉnh Nghệ An*, Tạp chí Y học thực hành, số 872, tr.27.
7. **Sở Y tế Hà Nam** (2015), *Báo cáo kết quả công tác y tế dự phòng 6 tháng đầu năm 2015*, số 70/BC-SYT, phần I, mục 5 trang 4.
8. **Nguyễn Đăng Tuệ** (2013), *Đánh giá điều kiện vệ sinh và thực trạng triển khai hoạt động y tế học đường tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc tỉnh Hà Nam năm 2013*, Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

